

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 729/TTr-STC ngày 27 tháng 8 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh Sơn La về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- TT tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TH (Bùi Tuấn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 9/2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong việc: Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
- Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi

xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan chức năng* là các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp* bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phụ thuộc doanh nghiệp.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Khắc phục tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Thúc đẩy sự tham gia giám sát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mọi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra phải luôn tuân theo pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; Đảm bảo mỗi đối tượng được thanh tra, kiểm tra chỉ không quá một lần trong năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra.

4. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính cho đối tượng thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. “Thông tin đăng ký” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: tên; mã số; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện

theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. “Thông tin về tình trạng hoạt động” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp).

3. “Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. “Thông tin về xử lý vi phạm” đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Quyết định thanh tra, kiểm tra; kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp lưu trữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông tin đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp đăng ký và hoạt động trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh có thể đề nghị Sở Tài chính cung cấp thông tin về đăng ký của doanh nghiệp do Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh thuộc Sở cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính; thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính theo quy định để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp do Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh thuộc Sở cấp trên địa bàn tỉnh. Nội dung thông tin công khai gồm:

- a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;
- b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp;
- c) Tên mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;
- d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cung cấp và công khai thông tin đăng ký các hộ kinh doanh do mình cấp trên địa bàn quản lý gồm:

- a) Tên hộ kinh doanh;
- b) Mã số hộ kinh doanh;
- c) Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính thường xuyên đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình hoặc tiến hành kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp lên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh khi ban hành các văn bản dưới đây, có trách nhiệm đồng thời gửi cho Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở chính:

a) Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, xử lý vi phạm về hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh, quyết định chấm dứt việc đình chỉ hoạt động kinh doanh;

c) Văn bản thông báo việc doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm đến hộ kinh doanh yêu cầu giải trình hoặc tiến hành kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm:

a) Chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Tài chính, Cơ quan thuế và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình;

b) Thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành với các thông tin cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này;

c) Tăng cường trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

2. Trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp được nộp đến cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, lưu trữ theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, cơ quan thuế và cơ quan đăng ký

kinh doanh phối hợp trong việc kiểm soát báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

3. Chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động:

Sở Tài chính chia sẻ thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông tin về tổng số lao động dự kiến, ngành, nghề kinh doanh, phương thức đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập trên địa bàn và thông tin sau đăng ký thay đổi cho cơ quan bảo hiểm xã hội, Sở Nội vụ và Bộ Nội vụ để phục vụ quản lý nhà nước về lao động.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối công khai thông tin về các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư; thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Các thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn có hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh, đã bị cơ quan có thẩm quyền cấp xã xử phạt vi phạm hành

chính. Các thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý. Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia (<http://dangkykinhdoanh.gov.vn>), Cổng Thông tin điện tử của Sở Tài chính (<http://sotaichinh.sonla.gov.vn/>) và Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan chức năng quản lý khác.

3. Căn cứ yêu cầu quản lý cụ thể, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp bằng văn bản hoặc bằng thông tin điện tử thông qua hộp thư điện tử.

Chương III

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, XÁC MINH, XỬ LÝ VI PHẠM, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

- a) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
- b) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong xác minh, xử lý vi phạm bao gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

3. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; theo dõi, tổng hợp Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

Thanh tra tỉnh chủ trì việc rà soát, xử lý chồng chéo trong kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; chủ động cung cấp thông tin, trao đổi với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước về dự kiến Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; phối hợp xử lý chồng chéo giữa Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh với các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương; sắp xếp, xác định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đối với các cuộc thanh tra, kiểm tra có trùng lặp về đối tượng.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp triển khai xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch kiểm tra hàng năm của mình, các cơ quan phải xác định cụ thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến kiểm tra;

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan gửi Kế hoạch kiểm tra năm sau liền kề của mình cho Thanh tra tỉnh. Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu kiểm tra của các cơ quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chủ động rà soát, đối chiếu Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến của cơ quan mình với Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh, để kịp thời phát hiện sự trùng lặp về đối tượng kiểm tra đồng thời đề xuất với Thanh tra tỉnh biện pháp phối hợp thực hiện.

Trường hợp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh khi nhận được thông báo, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc yêu cầu làm việc của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước có liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh biết (kèm theo danh sách doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra) để chỉ đạo kịp thời, đồng thời gửi Thanh tra tỉnh để theo dõi và thông báo danh sách các doanh nghiệp được Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra để các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh biết, không tiến hành kiểm tra. Đồng thời kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp về đối tượng; gửi cho Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thông báo cho các cơ quan có trùng lặp về đối tượng biết để phối hợp thực hiện.

Điều 14. Phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật (không quá 01 lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong 01 (một) đợt thanh tra, kiểm tra. Trừ trường hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có các vi phạm/dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng cần thiết tiến hành thanh tra để đánh giá, xem xét nội dung vi phạm và các vấn đề liên quan đến trách nhiệm lãnh đạo, quản lý.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu kiểm tra không đúng đối tượng, không đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Thủ trưởng cơ quan quyết định phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

3. Đối với các cuộc thanh tra hoặc kiểm tra độc lập, các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ, công chức tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải

được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh giao một cơ quan chủ trì hoặc các cơ quan liên quan thống nhất cử 01 (một) cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ, công chức tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

4. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu có vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thì các cơ quan có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

6. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra đảm bảo nội dung và tiến độ; đảm bảo khi tiến hành kiểm tra phải có quyết định của người có thẩm quyền; không kiểm tra kéo dài; tránh tình trạng kết thúc kiểm tra chậm ban hành kết luận, kết luận không rõ; thực hiện nghiêm túc quy định công khai kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cổng thông tin điện tử của các sở, ngành, xã, phường để phòng ngừa chung và đảm bảo điều kiện nhân dân giám sát hoạt động kiểm tra của nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xác minh, xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác, cơ quan chức năng quyết định đình chỉ hoạt động, xử phạt hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện

kinh doanh. Đồng thời gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý theo chức năng quản lý ngành.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, hoạt động, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; Thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên

ngành và chấp hành thực hiện việc tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo thông báo và yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

5. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cùng phối hợp và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các nội dung quy định tại Điều này.

6. Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức kiểm tra doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra xác minh lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm. Việc xử lý vi phạm tuân thủ đúng quy định của pháp luật đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, không làm cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính) có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Khi xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng.

Trường hợp nhận được thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, nếu cần phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xử lý, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý;

b) Cơ quan quản lý thuế trực tiếp có trách nhiệm xác định doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm ngừng hoạt động kinh doanh (01 năm đối với doanh nghiệp, quá 06 tháng liên tục đối với hộ kinh doanh) mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế thuộc diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Cơ quan quản lý thuế, cơ quan hải quan có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh.

d) Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ xác minh nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh khi có đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các tổ chức, cá nhân khác.

đ) Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý ngành; Xác minh, trả lời cho các tổ chức, cá nhân về bản sao văn bản, giấy tờ do cơ quan mình cấp bị giả mạo để làm cơ sở xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

e) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị cấm thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh tổ chức, đơn vị thuộc diện bị cấm; xác minh lý lịch của người bị cấm.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời gửi quyết định cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính.

Chương IV**BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP,
HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP****Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập**

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Công tác trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Kết quả công tác xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

d) Kết quả thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm bị xử lý thu hồi;

đ) Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Các cơ quan quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và địa bàn quản lý; tình hình thực hiện phối hợp theo các nội dung quy định tại Quy chế này của năm liền trước. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

4. Hàng năm, Sở Tài chính phối hợp với Thanh tra tỉnh dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này (khi có yêu cầu).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Cơ quan thuế và các cơ quan chức năng khác tham mưu cho UBND tỉnh trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này;

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Quy chế này;

c) Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thanh tra tỉnh:

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Quy chế này;

b) Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chi cục Quản lý thị trường tỉnh:

a) Tổ chức rà soát, kiểm tra thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu gian lận, sai phạm trong giai đoạn hoạt động, đặc biệt là các ngành nghề có điều kiện, ngành nghề dễ phát sinh vi phạm;

b) Áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo thẩm quyền và đề xuất xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng, tái phạm; đồng thời thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm.

4. Các cơ quan chức năng thuộc tỉnh:

a) Chủ động, phối hợp với Sở Tài chính, Cơ quan thuế cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước vào cơ sở dữ

liệu riêng (nếu có) của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo thông tin đầy đủ, thường xuyên, liên tục;

b) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành; Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, giấy phép hoạt động đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc nhiệm vụ và lĩnh vực ngành quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật. Thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý và các nhiệm vụ cụ thể tại Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

5. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Phối hợp xác minh theo đề nghị của cơ quan chức năng về nhân thân của: người thành lập doanh nghiệp; người góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và tham gia vào các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cùng các nhiệm vụ khác nêu trong Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển hộ kinh doanh trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ

kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

c) Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật; Trực tiếp theo dõi, kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và theo các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan căn cứ Quy chế để chủ động thực hiện và phối hợp theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật./.